

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

#### Đánh giá theo phương pháp chấm điểm:

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

$t_{ji}$  = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

$w_{ji}$  = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

$k$  = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

$S_j$  = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”

$W_j$  = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”

$n$  = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

- Tất cả nội dung yêu cầu liên quan đến tên riêng của thông số kỹ thuật, thương hiệu, ký mã hiệu, nhãn hiệu, model, nguồn gốc xuất xứ (nếu có) trong E HSMT chỉ mang tính tham khảo cho nhà thầu nhằm thuận lợi hơn trong quá trình đề xuất sản phẩm cho gói thầu, không phải là tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật của E HSMT. Nhà thầu không bắt buộc phải chào theo yêu cầu về tên riêng của thông số kỹ thuật, thương hiệu, ký mã hiệu, nhãn hiệu, model, nguồn gốc xuất xứ (nếu có).

- Đối với thông số kỹ thuật liên quan tới kích thước, trọng lượng đáp ứng ở khoảng  $\pm 5\%$ .

- Yêu cầu nhà thầu cung cấp đầy đủ catalô, tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (không bắt buộc đối với các vật tư phụ, phụ kiện lắp đặt kèm theo), thể hiện và chứng minh khả năng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chi tiết tại Chương V của E-HSMT. Nhà thầu phải nêu rõ đã giải thích/ dẫn chứng tại phần nào, mục nào, tài liệu nào của E-HSMT đáp ứng yêu cầu kỹ thuật gì trong E-HSMT, để Chủ đầu tư dễ dàng tham chiếu khi xem xét đánh giá E-HSMT.

- Trường hợp nhà thầu chỉ dẫn, dẫn chiếu không đúng hoặc thông tin trong E- HSDT được trích dẫn không chính xác, hoặc thông tin trong E-HSDT không được tìm thấy trên các địa chỉ của chính nhà sản xuất sản phẩm dự thầu, hoặc không có cơ sở để cho rằng sản phẩm dự thầu có cấu hình / tính năng kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn yêu cầu trong E-HSMT thì yêu cầu đó coi như trả lời không hợp lệ, được đánh giá là không đáp ứng và chấm 0 điểm.

- Khái niệm tương đương được hiểu là có đặc tính kỹ thuật, thông số tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các hàng hoá đã nêu. Khái niệm tốt hơn được hiểu là công nghệ ra sau và có hiệu năng, tính năng sử dụng tốt hơn hoặc cao hơn so với các thông số kỹ thuật được yêu cầu trong E-HSMT.

- Trong quá trình đánh giá E-HSDT, trường hợp cần phải làm rõ tính năng kỹ thuật của sản phẩm dự thầu, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các văn bản có xác nhận của đại diện nhà sản xuất tại thị trường Việt Nam - ngoài các văn bản Chủ đầu tư đã yêu cầu cung cấp trong E-HSMT này.

- Trong trường hợp cần phải làm rõ về tính năng kỹ thuật / khả năng đáp ứng của hàng hoá chào thầu trong E-HSDT, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu đến trình bày sản phẩm/ giải pháp kỹ thuật chào thầu để đánh giá mức độ đáp ứng của sản phẩm/ giải pháp kỹ thuật chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT (Proof of Concept (POC)). Toàn bộ chi phí thực hiện POC sẽ do nhà thầu chi trả, chi phí này không được khấu trừ vào giá dự thầu, không được khấu trừ vào giá hợp đồng đối với nhà thầu trúng thầu. Trong trường hợp này, nếu nhà thầu không thực hiện POC hoặc việc thực hiện POC không chứng minh được tính năng kỹ thuật sản phẩm đề xuất đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT, E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là không đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật.

E-HSDT được đánh giá đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt điểm tối thiểu tại từng mục theo quy định.
- Tổng số điểm đạt tối thiểu 700 điểm.

#### **Bảng đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp chấm điểm**

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
1	<b>Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ</b>	650		455
	Tất cả các hàng hóa, dịch vụ nhà thầu đề xuất đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại điểm c “Yêu cầu kỹ thuật cụ thể” - Mục 1.2 - Chương V của E-HSMT và có tổng chi phí điện vận hành/năm chiếm < 0,5% giá trị chào thầu của từng phần (lô) <i>(theo công thức tính chi phí điện vận hành/ năm được mô tả phía dưới bảng này)</i>		650	
	Tất cả các hàng hóa, dịch vụ nhà thầu đề xuất đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại điểm c “Yêu cầu kỹ thuật		455	

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	cụ thể” - Mục 1.2 - Chương V của E-HSMT và có tổng chi phí điện vận hành/năm chiếm từ 0,5% đến < 2,5% giá trị chào thầu của từng phần (lô) (theo công thức tính chi phí điện vận hành/năm được mô tả phía dưới bảng này)			
	Không đáp ứng các yêu cầu trên		0	
<b>2</b>	<b>Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa</b>	<b>100</b>		<b>70</b>
2.1	Mức độ hiểu biết về gói thầu	20		
	(i) Thuyết minh phải có đầy đủ các nội dung: - Mức độ hiểu biết về thông tin của gói thầu (bao gồm hiểu biết về Chủ đầu tư, đặc điểm, quy mô dự án). - Mức độ hiểu biết về hệ thống mạng SDWAN (đối với phần (lô) có mã: PP2500558521); máy chủ, lưu trữ liệu, thiết bị bảo mật, an toàn thông tin; giải pháp phần mềm hệ thống (đối với phần (lô) có mã: PP2500558522) trong gói thầu. - Có phương án khảo sát, thu thập thông tin hiện trạng hệ thống tại địa điểm triển khai phù hợp tiến độ thực hiện từng phần (lô) của gói thầu.		20	
	(ii) Thuyết minh có bao gồm mức độ hiểu biết về gói thầu nêu tại mục (i) Stt 2.1 bảng này, nhưng cách trình bày không được đánh chỉ mục rõ ràng, khó theo dõi hoặc cách trình bày không chi tiết		14	
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu tại mục (i) hoặc (ii) Stt 2.1 bảng này.		0	
2.2	Thuyết minh Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa, lắp đặt, cài đặt, tích hợp, vận hành thử, đào tạo hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu.	80		
	(i) Đáp ứng toàn bộ các yêu cầu sau: 1. Có thuyết minh rõ ràng, chi tiết biện pháp tổ chức thực hiện cung cấp hàng hóa, phần mềm gồm: + Biện pháp cung cấp thiết bị, phần mềm, vận chuyển và phương tiện vận chuyển đến địa điểm lắp đặt; + Biện pháp kiểm tra nghiệm thu hàng hóa trước khi lắp đặt; + Biện pháp, quy trình thi công lắp đặt hàng hóa, phần mềm;		80	

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	<p>+ Biện pháp bảo quản hàng hóa trước khi lắp đặt và bảo quản hàng hóa sau khi lắp đặt chờ nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng;</p> <p>+ Biện pháp, quy trình chạy thử/vận hành thử;</p> <p>+ Biện pháp phối hợp với chủ đầu tư; Biện pháp giảm thiểu các tác động trong quá trình thi công đến công tác chuyên môn của Chủ đầu tư;</p> <p>+ Biện pháp an toàn lao động: Biện pháp đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong quá trình thi công; Biện pháp an toàn điện, phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công; Biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường.</p> <p>2. Có trình bày kế hoạch đào tạo hướng dẫn sử dụng/vận hành được đánh giá là khả thi và phù hợp với đề xuất về kỹ thuật, tiến độ thực hiện từng phần (lô) của gói thầu và yêu cầu của E-HSMT. Đồng thời nhà thầu phải cam kết kết thúc quá trình đào tạo thì cán bộ được đào tạo sẽ sử dụng thành thạo toàn bộ hàng hóa, phần mềm của gói thầu.</p>			
	(ii) Thuyết minh có đầy đủ các nội dung đáp ứng yêu cầu nêu tại mục (i) Stt 2.2 bảng này, nhưng cách trình bày không được đánh chỉ mục rõ ràng, khó theo dõi hoặc cách trình bày không chi tiết.		56	
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu tại mục (i) hoặc (ii) Stt 2.2 bảng này.		0	
<b>3</b>	<b>Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì</b>	<b>20</b>		<b>14</b>
	Nhà thầu trình bày kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành / hỗ trợ kỹ thuật khả thi và có cam kết cung cấp dịch vụ bảo hành / hỗ trợ kỹ thuật tất cả các hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp từng phần (lô) của gói thầu với thời gian bảo hành, bảo trì dài hơn thời gian tối thiểu được yêu cầu tại Chương V của E-HSMT ( <i>Mỗi tháng dài hơn so với mức yêu cầu tối thiểu thì được cộng thêm 2 điểm/ tháng. Điểm tối thiểu đạt được là 14 điểm và điểm tối đa đạt được là 20 điểm nếu nhà thầu đáp ứng nội dung này</i> ).		20	
	Nhà thầu trình bày kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành/hỗ trợ kỹ thuật khả thi và có cam kết cung cấp dịch vụ bảo hành/ hỗ trợ kỹ thuật các hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp từng phần (lô) của gói thầu với thời gian = thời gian tối thiểu theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT		14	

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	Nhà thầu không có cam kết cung cấp dịch vụ bảo hành/hỗ trợ kỹ thuật các hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp từng phần (lô) của gói thầu hoặc có nhưng trong đó có hàng hóa có thời gian bảo hành/hỗ trợ kỹ thuật < mức thời gian tối thiểu theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.		0	
4	<b>Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa</b>	10		7
	Nhà thầu cung cấp danh mục, giá cả vật tư, phụ tùng thay thế... cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong 07 năm kể từ khi thiết bị nghiệm thu đưa vào sử dụng.		10	
	Nhà thầu không cung cấp danh mục vật tư, phụ tùng thay thế... cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong 07 năm kể từ khi thiết bị nghiệm thu đưa vào sử dụng.		7	
	Nhà thầu không cung cấp danh mục, giá cả vật tư, phụ tùng thay thế... cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong 07 năm kể từ khi thiết bị nghiệm thu đưa vào sử dụng.		0	
5	<b>Đánh giá khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường</b>	10		7
	Nhà thầu có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, môi trường và có dẫn chứng, diễn giải cụ thể về việc thích ứng về địa lý, môi trường đối với hàng hóa được cung cấp		10	
	Nhà thầu có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, môi trường nhưng không có dẫn chứng, diễn giải cụ thể về việc thích ứng về địa lý, môi trường đối với hàng hóa được cung cấp		7	
	Nhà thầu không có cam kết hoặc có cam kết nhưng có hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý, môi trường		0	
6	<b>Tác động với môi trường và biện pháp giải quyết</b>	10		7
	Nhà thầu có cam kết hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động đến môi trường		10	
	Nhà thầu có hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và có đề xuất biện pháp giải quyết. Các biện pháp giải quyết đảm bảo hàng hóa		7	

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	hoạt động ổn định, không làm phát sinh chi phí cho Chủ đầu tư trong quá trình sử dụng			
	Nhà thầu không có cam kết hoặc có hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường nhưng nhà thầu không đề xuất biện pháp giải quyết hoặc có đề xuất biện pháp giải quyết nhưng không đảm bảo hàng hóa hoạt động ổn định hoặc làm phát sinh chi phí cho Chủ đầu tư trong quá trình sử dụng		0	
<b>7</b>	<b>Đào tạo, hướng dẫn sử dụng</b>	<b>10</b>		<b>7</b>
	Có kế hoạch thực hiện công tác đào tạo hướng dẫn sử dụng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của E-HSMT kèm theo nội dung đào tạo chi tiết, cụ thể đối với từng khóa học		10	
	Có kế hoạch thực hiện công tác đào tạo hướng dẫn sử dụng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về đào tạo hướng dẫn sử dụng của E-HSMT nhưng không có nội dung đào tạo chi tiết, cụ thể đối với từng khóa học		7	
	Không có kế hoạch thực hiện công tác đào tạo hướng dẫn sử dụng hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về đào tạo hướng dẫn sử dụng của E-HSMT		0	
<b>8</b>	<b>Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>	<b>120</b>		<b>84</b>
	Đáp ứng toàn bộ các yêu cầu sau: - Có Bảng tiến độ chi tiết thực hiện từng phần (lô) của gói thầu phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. - Điểm tối thiểu đạt được là 84 điểm và điểm tối đa đạt được là 120 điểm nếu nhà thầu đáp ứng nội dung này (cứ mỗi ngày rút ngắn so với yêu cầu tối thiểu là 90 ngày (đối với phần (lô) có mã: PP2500558521); 120 ngày (đối với phần (lô) có mã: PP2500558522) được cộng thêm 2 điểm/ngày).		120	
	Đáp ứng toàn bộ các yêu cầu sau: - Có Bảng tiến độ chi tiết thực hiện gói thầu phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. - Tổng tiến độ thực hiện phần (lô) có mã: PP2500558521 = 90 ngày, phần (lô) có mã: PP2500558522 = 120 ngày.		84	

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	Tổng tiến độ thực hiện phần (lô) có mã: PP2500558521 > 90 ngày hoặc phần (lô) có mã: PP2500558522 > 120 ngày hoặc không có bảng tiến độ chi tiết thực hiện gói thầu hoặc có bảng tiến độ chi tiết thực hiện gói thầu nhưng không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc bảng tiến độ không đầy đủ các nội dung về: Tiến độ cung cấp, lắp đặt, cài đặt, vận hành thử, đào tạo hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu.		0	
9	<b>Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu</b>	10		7
	<i>Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP</i>	10		7
	Nhà thầu độc lập hoặc tất cả các thành viên liên danh (trong trường hợp nhà thầu liên danh) có cam kết và không vi phạm một trong các nội dung sau: - Không có gói thầu nào mà không thương thảo hợp đồng; có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng; - Không có hợp đồng tương tự nào không hoàn thành do lỗi của nhà thầu; - Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu bởi cơ quan, tổ chức và các vi phạm khác theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và có chất lượng hàng hóa đã được sử dụng đáp ứng theo quy định được công khai tại điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP		10	
	Nhà thầu độc lập hoặc tất cả các thành viên liên danh (trong trường hợp nhà thầu liên danh) có cam kết và có không quá 01 vi phạm một trong các nội dung sau: - Không có gói thầu nào mà không thương thảo hợp đồng; có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng; - Không có hợp đồng tương tự nào không hoàn thành do lỗi của nhà thầu; - Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu bởi cơ quan, tổ chức và các vi phạm khác theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số		7	

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	214/2025/NĐ-CP và có chất lượng hàng hóa đã được sử dụng đáp ứng theo quy định được công khai tại điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP			
	Nhà thầu độc lập hoặc tối thiểu 01 thành viên liên danh (trong trường hợp nhà thầu liên danh) không có cam kết hoặc có 02 vi phạm trở lên một trong các nội dung sau: - Không có gói thầu nào mà không thương thảo hợp đồng; có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng; và Không có hợp đồng tương tự nào không hoàn thành do lỗi của nhà thầu; và Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu bởi cơ quan, tổ chức và các vi phạm khác theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP		0	
<b>10</b>	<b>Các yếu tố cần thiết khác</b>	<b>60</b>		<b>42</b>
10.1	<i>Khả năng đảm bảo an toàn thông tin mạng đối với các thiết bị chủ yếu như: Thiết bị SDWAN tại Viện KSND tối cao; Thiết bị SDWAN cho các đơn vị Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng; Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh; Cơ quan điều tra VKSND tối cao tại Đà Nẵng, Tây Nguyên, TP. Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát quân sự Trung ương, các VKSND cấp tỉnh; Thiết bị SDWAN tại VKSND khu vực; Hệ thống quản trị tập trung; Switch trung tâm VKSND tối cao; Switch mạng LAN các đơn vị và switch quản trị hệ thống; Máy chủ vật lý phục vụ ảo hóa; Thiết bị lưu trữ SAN; Hệ thống lưu trữ dữ liệu Object; Giải pháp tường lửa ứng dụng (WAF)</i>	30		
	(i) Đối với các thiết bị chủ yếu của hệ thống như: Thiết bị SDWAN tại Viện KSND tối cao; Thiết bị SDWAN cho các đơn vị Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng; Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh; Cơ quan điều tra VKSND tối cao tại Đà Nẵng, Tây Nguyên, TP. Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát quân sự Trung ương, các VKSND cấp tỉnh; Thiết bị SDWAN tại VKSND khu vực; Hệ thống quản trị tập trung; Switch trung tâm VKSND tối cao; Switch mạng LAN các đơn vị và switch quản trị hệ thống và một số thiết bị khác (đối với phần (lô) có		30	

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	mã: PP2500558521); Máy chủ vật lý phục vụ ảo hóa; Thiết bị lưu trữ SAN; Hệ thống lưu trữ dữ liệu Object; Giải pháp tường lửa ứng dụng (WAF) và một số thiết bị khác (đối với phần (lô) có mã: PP2500558522), E-HSDT của nhà thầu có Xác nhận bởi đại diện nhà sản xuất tại thị trường Việt Nam (nhà sản xuất/công ty con/văn phòng đại diện/chi nhánh của nhà sản xuất), xác nhận sản phẩm chào thầu không bị cài đặt mã độc hoặc xác nhận sản phẩm chào thầu không có kết nối cổng sau (backdoor), gây mất an toàn thông tin.			
	(ii) Đối với các thiết bị chủ yếu của hệ thống như: Thiết bị SDWAN tại Viện KSND tối cao; Thiết bị SDWAN cho các đơn vị Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng; Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh; Cơ quan điều tra VKSND tối cao tại Đà Nẵng, Tây Nguyên, TP. Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát quân sự Trung ương, các VKSND cấp tỉnh; Thiết bị SDWAN tại VKSND khu vực; Hệ thống quản trị tập trung; Switch trung tâm VKSND tối cao; Switch mạng LAN các đơn vị và switch quản trị hệ thống (đối với phần (lô) có mã: PP2500558521); Máy chủ vật lý phục vụ ảo hóa; Thiết bị lưu trữ SAN; Hệ thống lưu trữ dữ liệu Object; Giải pháp tường lửa ứng dụng (WAF) (đối với phần (lô) có mã: PP2500558521), E-HSDT của nhà thầu có Xác nhận bởi đại diện nhà sản xuất tại thị trường Việt Nam (nhà sản xuất/công ty con/văn phòng đại diện/chi nhánh của nhà sản xuất), xác nhận sản phẩm chào thầu không bị cài đặt mã độc hoặc xác nhận sản phẩm chào thầu không có kết nối cổng sau (backdoor), gây mất an toàn thông tin.		21	
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu tại mục (i) hoặc (ii) Stt 10.1 bảng này.		0	
10.2	<i>Mức độ đáp ứng yêu cầu về đảm bảo vòng đời sản phẩm</i>	30		
	(i) E-HSDT có xác nhận bởi đại diện nhà sản xuất tại thị trường Việt Nam (nhà sản xuất/công ty con/văn phòng đại diện/chi nhánh của nhà sản xuất) hoặc thông tin được nhà sản xuất công bố trên website chính hãng cho thấy sản phẩm chào thầu đang trong thời gian hãng sản xuất cho phép bán ra thị trường, chưa có kế hoạch ngừng bán		30	

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	<p>hàng (End of sale/End of Life Product/End of Product hoặc tương đương) đối với các thiết bị: Thiết bị SDWAN tại Viện KSND tối cao; Thiết bị SDWAN cho các đơn vị Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng; Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh; Cơ quan điều tra VKSND tối cao tại Đà Nẵng, Tây Nguyên, TP. Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát quân sự Trung ương, các VKSND cấp tỉnh; Thiết bị SDWAN tại VKSND khu vực; Hệ thống quản trị tập trung; Switch trung tâm VKSND tối cao; Switch mạng LAN các đơn vị và switch quản trị hệ thống (đối với phần (lô) có mã: PP2500558521); Máy chủ vật lý phục vụ ảo hóa; Thiết bị lưu trữ SAN; Hệ thống lưu trữ dữ liệu Object; Giải pháp tường lửa ứng dụng (WAF) (đối với phần (lô) có mã: PP2500558522) <u>và một số thiết bị khác.</u></p>			
	<p>(ii) E-HSDT có xác nhận bởi đại diện nhà sản xuất tại thị trường Việt Nam (nhà sản xuất/công ty con/văn phòng đại diện/chi nhánh của nhà sản xuất) hoặc thông tin được nhà sản xuất công bố trên website chính hãng cho thấy sản phẩm chào thầu đang trong thời gian hãng sản xuất cho phép bán ra thị trường, chưa có kế hoạch ngừng bán hàng (End of sale/End of Life Product/End of Product hoặc tương đương) đối với các thiết bị: Thiết bị SDWAN tại Viện KSND tối cao; Thiết bị SDWAN cho các đơn vị Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng; Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh; Cơ quan điều tra VKSND tối cao tại Đà Nẵng, Tây Nguyên, TP. Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát quân sự Trung ương, các VKSND cấp tỉnh; Thiết bị SDWAN tại VKSND khu vực; Hệ thống quản trị tập trung; Switch trung tâm VKSND tối cao; Switch mạng LAN các đơn vị và switch quản trị hệ thống (đối với phần (lô) có mã: PP2500558521); Máy chủ vật lý phục vụ ảo hóa; Thiết bị lưu trữ SAN; Hệ thống lưu trữ dữ liệu Object; Giải pháp tường lửa ứng dụng (WAF) (đối với phần (lô) có mã: PP2500558522).</p>		21	
	<p>Không đáp ứng các yêu cầu nêu tại mục (i) hoặc (ii) Stt 10.2 bảng này.</p>		0	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.000</b>		<b>700</b>

**Ghi chú:** Công thức tính chi phí điện vận hành/ năm =  $P \cdot (1+70\%) \cdot 2.147 \cdot 24 \cdot 365$  VND. Trong đó:

- *P là Công suất tiêu thụ điện mức tải 100% năng lực thiết bị với cấu hình theo yêu cầu gói thầu, được đo bằng công cụ của hãng.*
- *Công suất điện cho hệ thống làm mát tính bằng 70% công suất P.*
- *Đơn giá điện 1kWh là 2.147 VND (Đã bao gồm VAT)*

#### **Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)**

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: Không có

#### **Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)**

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá); điểm tổng hợp cao nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.